

**STATUS OF ADJUSTMENTS IN
TEACHING VIETNAMESE FOR
HEARING IMPAIRED STUDENTS AT
THE ELEMENTARY LEVEL
ACCORDING TO THE 2018 GENERAL
EDUCATION PROGRAM**

Nguyen Minh Phuong

*Faculty of Special Education, Hanoi National
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Nguyễn Minh Phương,
e-mail: phuongnm@hnue.edu.vn

Received November 11, 2024.

Revised December 3, 2024.

Accepted December 14, 2024.

Abstract. This article deeply analyzes the current situation of teachers' adjustments in teaching Vietnamese to hearing-impaired students at the elementary school level. The research was conducted in 11 educational establishments with specialized classes for hearing-impaired students and 7 inclusive elementary schools with hearing-impaired students in 5 areas: Hanoi, Thai Nguyen, Hai Phong, Nam Dinh, and Hung Yen. Research results show that teachers participating in the survey know the importance of adjustment in teaching Vietnamese to hearing-impaired students. They have also regularly implemented content and adjustment methods in teaching Vietnamese to hearing-impaired students. However, the efficiency of the adjustment is not high. Teachers also face many difficulties in organizing teaching Vietnamese for hearing-impaired students. From there, teachers need to be trained and fostered to improve knowledge and skills of teaching Vietnamese to hearing-impaired students; provide guidance documents to adjust and organize the process of teaching Vietnamese to hearing-impaired students and guide tools to assess the ability to learn Vietnamese of hearing-impaired students.

Keywords: teaching Vietnamese, hearing-impaired students, the 2018 general education program.

**THỰC TRẠNG ĐIỀU CHỈNH TRONG
DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT CHO
HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU
HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

Nguyễn Minh Phương

*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Minh Phương,
e-mail: phuongnm@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/11/2024.

Ngày sửa bài: 3/12/2024.

Ngày nhận đăng: 14/12/2024.

Tóm tắt. Bài viết này đi sâu phân tích thực trạng điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính (HSKT) cấp tiểu học của giáo viên (GV). Nghiên cứu được thực hiện ở 11 cơ sở giáo dục (GD) có lớp chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học và 7 trường tiểu học hòa nhập có HSKT trên 5 địa bàn là Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Nam Định, Hưng Yên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các giáo viên tham gia khảo sát đã nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Họ cũng đã thường xuyên thực hiện các nội dung, phương pháp điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Tuy nhiên, hiệu quả của việc điều chỉnh chưa cao. GV còn gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Từ đó, giáo viên có nhu cầu được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HSKT; cung cấp tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và hướng dẫn công cụ đánh giá khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT.

Từ khóa: dạy học môn Tiếng Việt, học sinh khiếm thính, chương trình GDPT 2018.

1. Mở đầu

Tiếng Việt là môn học vừa có tính công cụ, vừa có tính thẩm mỹ - nhân văn. Thông qua môn học này, các em được hình thành, phát triển các năng lực chung và năng lực môn học như năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc hiệu quả, để học tập tốt các môn học khác, cũng như để học suốt đời [1].

Đối với HSKT, mất/suy giảm thính lực ảnh hưởng đến sự phát triển của HS trong tất cả các lĩnh vực như nhận thức, hành vi, ngôn ngữ... đặc biệt là lĩnh vực ngôn ngữ, giao tiếp. Nghiên cứu của Ling, D. (1976) [2], Marc Marschark, Harry G Lang and John A Albertini (2002) [3] khẳng định HSKT tiếp thu các quy tắc ngữ pháp chậm hơn, điều này xảy ra ở cả HSKT mức độ sâu cũng như HSKT mức độ nhẹ hơn. Nghiên cứu của tác giả Kuder S.J (2003) [4] cho thấy, sự phát triển ngữ dụng của HS khiếm thính tương tự như HS nghe còn sự phát triển ngữ nghĩa bị chậm lại khá xa, một số chức năng ngữ nghĩa dạng cao không được sử dụng ở HSKT.

Theo nghiên cứu của Banks và cộng sự (1990), HSKT không chỉ có vốn từ ít hơn mà các loại từ HSKT biết cũng thường có sự khác biệt với các học sinh nghe. HSKT thường hiểu và sử dụng những danh từ cụ thể và các động từ chỉ hành động quen thuộc hơn là những từ trừu tượng hoặc khái quát, những từ mà các em ít có kinh nghiệm. HSKT cũng gặp phải những khó khăn đáng kể với từ đa nghĩa và phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh của văn bản để chọn nghĩa thích hợp [dẫn theo 5].

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, kỹ năng đọc hiểu của HSKT nhìn chung là thấp. Conrad (1979) tìm thấy tuổi đọc trung bình của những HSKT bị điếc nặng từ 15 – 17 tuổi là 9 năm, chỉ có 5 trong số 205 HSKT tham gia mẫu điều tra của Conrad có kỹ năng đọc ở mức độ phù hợp với lứa tuổi. Holt (1993) đã tìm thấy điểm đọc của những học sinh 17 tuổi bị điếc sâu ở mức độ gần cuối lớp 4. Traxler và Allen (1996) tìm thấy điểm đọc hiểu trung bình của các HSKT 17 và 18 tuổi trong mẫu nghiên cứu của họ tương ứng với lớp 4 [dẫn theo 5].

Một số nghiên cứu về khả năng viết của HSKT cho thấy, HSKT thường sử dụng câu ngắn và cấu trúc ít đa dạng so với học sinh nghe, thậm chí không đặt câu hoàn chỉnh. HSKT cũng thường sử dụng những từ và cụm từ lặp lại nhiều lần trong bài viết. Các em cũng sử dụng nhiều mạo từ và danh từ hơn, ít sử dụng trạng từ và từ nối. Từ ngữ thường bị bỏ sót, câu thường có cấu trúc đơn giản và ít có sự liên kết giữa các câu hơn so với các HS nghe cùng độ tuổi (Cohen, 1967; Heider & Heider, 1940; Simmons, 1962; Yoshinaga-Itano & Snyder, 1985) [6].

Đi sâu vào vấn đề điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt đối với HSKT theo chương trình GDPT 2018, có rất ít nghiên cứu đề cập đến vấn đề này. Có thể kể đến nghiên cứu của tác giả Nguyễn Minh Phương và Nguyễn Hà My về “Điều chỉnh kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt cho HS khuyết tật nghe nói cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018” [7]. Nghiên cứu này đã phân tích những khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt của HS khuyết tật nghe nói và gợi ý một số vấn đề điều chỉnh kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt cho HS khuyết tật nghe nói. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu thực trạng điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018. Vì vậy, bài viết này đi sâu phân tích thực trạng GV điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT theo chương trình GDPT 2018, làm cơ sở để đưa ra các gợi ý, hướng dẫn GV điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát

2.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng những khó khăn, nhu cầu và vấn đề điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học của GV, làm cơ sở thực tiễn để hướng dẫn GV điều chỉnh kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học theo chương trình GDPT mới 2018.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Việc đánh giá thực trạng những khó khăn, nhu cầu và vấn đề điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học của GV tập trung vào các nội dung sau:

- Nhận thức của GV về tầm quan trọng của điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.
- Mức độ thường xuyên, hiệu quả của việc thực hiện các nội dung, phương pháp điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.
- Những thuận lợi, khó khăn của GV trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.
- Những nhu cầu cần hỗ trợ của giáo viên trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.

2.1.3. Địa bàn và khách thể khảo sát

- *Địa bàn khảo sát:* Khảo sát được thực hiện ở 11 trường/trung tâm chuyên biệt/trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN có lớp chuyên biệt dành cho HSKT cấp tiểu học và 7 trường tiểu học hòa nhập có HSKT trên 5 địa bàn là Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Nam Định, Hưng Yên. Các trường/trung tâm này đều đang thực hiện chương trình giáo dục HSKT theo chương trình GDPT 2018.

- *Khách thể khảo sát:* Khảo sát 148 GV đang dạy môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học. Một số thông tin chính về nhóm GV khảo sát như sau:

Về chuyên ngành được đào tạo: Đa số GV có chuyên ngành đào tạo Giáo dục Đặc biệt và Giáo dục tiểu học chiếm tỉ lệ lần lượt là 47,3% và 48,6% (trong đó có một số GV có 2 bằng tốt nghiệp), có 4,1% giáo viên tốt nghiệp ngành sư phạm khác.

Về trình độ đào tạo cao nhất: Đa số GV có trình độ đào tạo cao nhất là đại học (chiếm tỉ lệ 79,7%), tiếp đến là trình độ đào tạo cao đẳng (chiếm 15,5%) và 4,7% giáo viên có trình độ đào tạo sau đại học.

Về thâm niên công tác:

Bảng 1. Kinh nghiệm dạy học của giáo viên

Thời gian	Thâm niên công tác		Thời gian dạy học sinh khiếm thính	
	SL	%	SL	%
Dưới 5 năm	17	11,5	37	25
Từ 5 đến 10 năm	35	23,6	46	31,1
Trên 10 năm	96	64,9	65	43,9

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu như các GV có thời gian công tác trong ngành giáo dục nhiều hơn thời gian dạy học sinh khiếm thính. Về thời gian công tác trong ngành giáo dục, GV có kinh nghiệm dạy trên 10 năm chiếm số lượng nhiều nhất (96/148 GV, chiếm 64,9%), tiếp đến là số lượng GV có kinh nghiệm dạy học từ 5 đến 10 năm (35/148 GV, chiếm 23,6%), GV có kinh nghiệm dưới 5 năm có số lượng ít nhất (17/148 GV, chiếm 11,5%). Về thời gian dạy học sinh khiếm thính, đa số GV có kinh nghiệm dạy trên 10 năm (65/148GV, chiếm 43,9%), tiếp đến là số GV có kinh nghiệm từ 5 đến 10 năm (46/148 GV, chiếm 31,1%), số GV có kinh nghiệm dạy học sinh khiếm thính dưới 5 năm chiếm số lượng ít nhất (37/148 GV, chiếm 25%). Kết quả này cho thấy, các GV được khảo sát đa số đã có kinh nghiệm dạy học sinh khiếm thính cấp tiểu học từ 5 đến 10 năm.

Về tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng: có 117/148 GV (chiếm 79,1%) đã được đào tạo, bồi dưỡng về giáo dục HSKT, còn 31/148 GV (chiếm 29,9%) chưa được đào tạo, bồi dưỡng về giáo dục HSKT. Tuy nhiên, đa số các khóa bồi dưỡng tập trung vào những kiến thức chung về trẻ khiếm thính, ngôn ngữ kí hiệu và việc phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ khiếm thính, các nội dung chuyên sâu về vấn đề điều chỉnh và phương pháp, kĩ năng dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học còn ít được đề cập đến.

2.1.4. Phương pháp khảo sát

Để khảo sát thực trạng, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: Sử dụng phiếu khảo sát đối với GV, nhằm đánh giá thực trạng những khó khăn, nhu cầu và vấn đề điều chỉnh của giáo viên trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học.

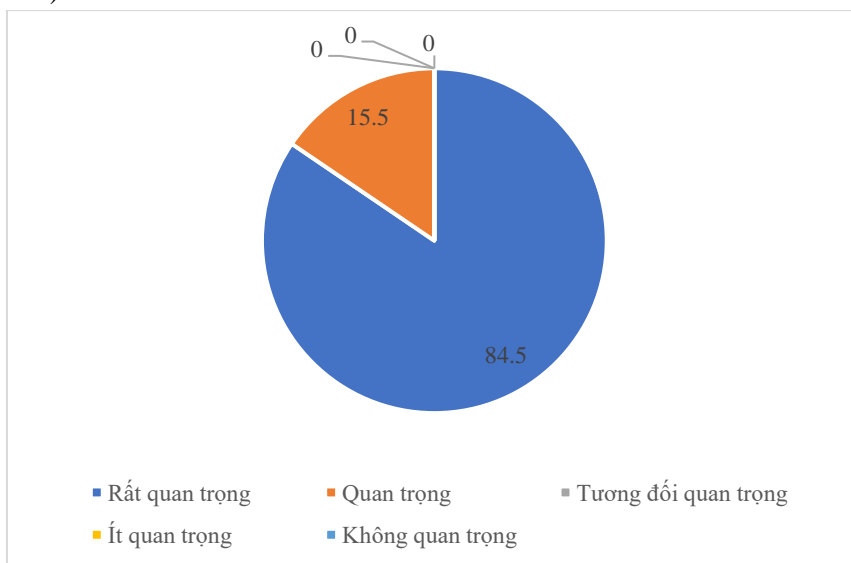
- *Phương pháp phỏng vấn*: Phỏng vấn sâu một số GV nhằm bổ sung, làm rõ một số thông tin về thực trạng về thực trạng.

- *Phương pháp quan sát*: Sử dụng phiếu quan sát để dự giờ, ghi chép thông tin về các hoạt động trên lớp và những khó khăn, nhu cầu, điều chỉnh của GV trong quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng những khó khăn, nhu cầu và vấn đề điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học của giáo viên

2.2.1. Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Nhận thức về tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT, 100% giáo viên được khảo sát đều cho rằng việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT là rất quan trọng và quan trọng. Trong đó, có 125/148 GV, (chiếm 84.5%) cho rằng rất quan trọng, 23/148 GV (chiếm 15.5%) cho rằng quan trọng. Không có giáo viên nào cho rằng việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT là tương đối quan trọng, ít quan trọng hoặc không quan trọng (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Đánh giá của GV về tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HS khiếm thính

Phỏng vấn sâu giáo viên về vấn đề này, các giáo viên cho rằng: “*HSKT có rất nhiều khó khăn, hạn chế khi học tập môn Tiếng Việt. Đây thực sự là một môn học khó đối với các em. Nếu không điều chỉnh nội dung, chương trình thì HSKT sẽ không học được*” (Cô Phạm Thị H, Hà Nội); “*điều chỉnh là yếu tố cơ bản, quyết định sự thành công của việc dạy học đối với HSKT. Nếu không điều chỉnh từ nội dung đến các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thì HSKT sẽ không thể tham gia học tập có kết quả*” (Cô Vũ Thu P, Thái Nguyên).

Kết quả này cho thấy GV đã nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng tài liệu và tập huấn, hướng dẫn GV điều chỉnh kế hoạch dạy học trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT.

2.2.2. Thực trạng mức độ thường xuyên và hiệu quả của việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính

Bảng 3. Mức độ thực hiện việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện					ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Tương đối thường xuyên	Ít thường xuyên	Không thường xuyên		
1	Điều chỉnh yêu cầu cần đạt	51	78	19	0	0	4.22	4
2	Điều chỉnh nội dung chương trình	57	76	15	0	0	4.28	3
3	Điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học	83	59	6	0	0	4.52	1
4	Điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập	79	64	5	0	0	4.50	2
Điểm trung bình chung							4.38	

Kết quả khảo sát cho thấy, các nội dung điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT được GV thực hiện rất thường xuyên (với điểm trung bình chung là 4,38 điểm). Trong đó, cả 4 nội dung điều chỉnh đều được thực hiện ở mức rất thường xuyên với điểm trung bình dao động từ 4,22 điểm đến 4,52 điểm. Cụ thể, việc điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học được GD thực hiện thường xuyên nhất với điểm trung bình là 4.52 điểm, xếp bậc 1; tiếp đến là điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập của HSKT (với điểm trung bình là 4,50 điểm), điều chỉnh nội dung chương trình (4,28 điểm) và điều chỉnh yêu cầu cần đạt (4,22 điểm). Phỏng vấn sâu một số GV dạy HSKT cấp tiểu học, chúng tôi được biết: “*HSKT trong lớp tôi gặp khó khăn ở cả 4 nhóm kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, do đó tôi luôn phải hạ thấp mục tiêu, yêu cầu cần đạt, giảm tải nội dung chương trình và áp dụng các hình thức hỗ trợ, kèm cặp cá nhân thì em mới có thể tham gia học tập được*” (cô P.T.H, Nam Định chia sẻ); “*HSKT có ngôn ngữ khá hạn chế, do đó trong dạy học Tiếng Việt thường tôi phải điều chỉnh nhiều về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, khi dạy các em ngoài việc sử dụng ngôn ngữ lời nói, tôi phải kết hợp sử dụng cả NNKH, tăng cường sử dụng các phương tiện trực quan trong dạy học để giúp học sinh hiểu nghĩa của bài đọc*” (cô T.L.P, Hưng Yên chia sẻ).

Bảng 4. Đánh giá về hiệu quả của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018

TT	Nội dung	Mức độ hiệu quả					ĐTB	Thứ bậc
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Ít hiệu quả	Không hiệu quả		
1	Điều chỉnh yêu cầu cần đạt	8	43	85	12	0	3.32	4
2	Điều chỉnh nội dung chương trình	11	56	72	9	0	3.47	2
3	Điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học	9	52	72	15	0	3.37	3
4	Điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập	14	61	67	6	0	3.56	1
Điểm trung bình chung							3.43	

Khảo sát ý kiến của GV về mức độ hiệu quả của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT, nhìn chung các GV đánh giá việc điều chỉnh đạt mức hiệu quả với điểm trung bình chung là 3,43 điểm. Xét riêng mức độ hiệu quả của từng nội dung điều chỉnh, kết quả khảo sát cho thấy có 2 nội dung điều chỉnh được đánh giá ở mức độ hiệu quả là: điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập (điểm trung bình 3,56 điểm, xếp bậc 1) và điều chỉnh nội dung chương trình (điểm trung bình 3,47 điểm, xếp bậc 2). Hai nội dung còn lại được đánh giá ở mức tương đối hiệu quả, bao gồm: điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học (3,37 điểm) và điều chỉnh yêu cầu cần đạt (3,32 điểm). Phỏng vấn sâu giáo viên về vấn đề này, các giáo viên cho rằng: “khi đánh giá kết quả học tập của HSKT, tôi thường phải hạ thấp yêu cầu, thiết kế bài kiểm tra riêng cho phù hợp với khả năng của HSKT để các em có thể thực hiện được, đánh giá để thấy được sự tiến bộ của chính học sinh. Khi hạ thấp như vậy thì em có thể thực hiện được” (thầy T.T.T, Hải Phòng); “Nếu chỉ áp dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học như học sinh không khuyết tật, HSKT sẽ không thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của môn Tiếng Việt. Do đó, khi dạy học cho các em, chúng tôi phải điều chỉnh rất nhiều về phương pháp, hình thức dạy học. Chúng tôi phải kết hợp vừa nói vừa dùng ký hiệu, cử chỉ điệu bộ và các phương tiện trực quan đi kèm để giúp các em hiểu thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân khi các em thực hiện nhiệm vụ/bài tập...” (cô N.T.M, Hà Nội). Quan sát tiết Tiếng Việt ở một số trường chuyên biệt, chúng tôi nhận thấy GV đã điều chỉnh theo hướng hạ thấp nội dung yêu cầu bài học với tất cả HS trong lớp và tăng cường sử dụng các phương tiện giao tiếp không lời (như ký hiệu, cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay) trong quá trình giảng dạy. Đối với các trường hoà nhập, rất ít GV có thể sử dụng ký hiệu trong quá trình dạy học, nên việc điều chỉnh phương pháp chủ yếu tập trung vào việc điều chỉnh cách giảng giải (nói to, chậm hơn và rõ hình miệng), tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan trong quá trình dạy học đối với HSKT, song hiệu quả đạt được chưa cao.

2.2.3. Thực trạng mức độ thường xuyên, hiệu quả của các phương pháp điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính

Bảng 5. Mức độ thực hiện các phương pháp điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018

TT	Phương pháp điều chỉnh	Mức độ					ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Tương đối thường xuyên	Ít thường xuyên	Không thường xuyên		
1	Điều chỉnh đồng loạt	13	21	24	38	52	2.36	4
2	Điều chỉnh đa trình độ	27	64	45	8	4	3.69	1
3	Điều chỉnh trùng lặp giáo án	25	38	61	18	6	3.39	2
4	Điều chỉnh thay thế	16	41	63	23	5	3.27	3
Điểm trung bình chung							3.18	

Kết quả khảo sát cho thấy, các phương pháp điều chỉnh được GV áp dụng ở mức tương đối thường xuyên với điểm trung bình chung đạt 3,18 điểm. Trong 4 phương pháp điều chỉnh, phương pháp được áp dụng thường xuyên là phương pháp điều chỉnh đa trình độ (điểm trung bình 3,69 điểm, xếp bậc 1). Tiếp đến là 2 phương pháp điều chỉnh được thực hiện ở mức tương đối thường xuyên: phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án (3,39 điểm, xếp bậc 2) và phương pháp điều chỉnh thay thế (3,27 điểm, xếp bậc 3). Có 1 phương pháp điều chỉnh được thực hiện ở mức ít thường xuyên là phương pháp điều chỉnh đồng loạt (điểm trung bình 2,36 điểm, xếp bậc 4). Phỏng vấn sâu giáo viên về vấn đề này, các giáo viên cho biết “phương pháp điều chỉnh đồng loạt là phương pháp điều chỉnh nhàn nhát của GV nhưng nó chỉ phù hợp với những học sinh khiếm thính có khả năng ở mức tốt, gần tương đương với học sinh bình thường. Thực tế, tại các trường tiểu

học hiện nay có rất ít HSKT đạt được mức độ này. Thường khả năng của các em sẽ kém hơn nhiều so với các học sinh không khuyết tật, do đó thường tôi phải áp dụng các PP điều chỉnh đa trình độ và điều chỉnh trùng lặp giáo án để hạ thấp yêu cầu và đơn giản hóa nội dung dạy học cho phù hợp với các em” (cô V.T.T, Nam Định).

Bảng 6. Mức độ hiệu quả các phương pháp điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018

TT	Phương pháp điều chỉnh	Mức độ					ĐTB	Thứ bậc
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Ít hiệu quả	Không hiệu quả		
1	Điều chỉnh đồng loạt	0	18	35	44	51	2.14	4
2	Điều chỉnh đa trình độ	18	57	45	15	13	3.35	1
3	Điều chỉnh trùng lặp giáo án	17	52	51	19	9	3.33	2
4	Điều chỉnh thay thế	8	39	42	38	21	2.83	3
Điểm trung bình chung							2.91	

Kết quả khảo sát cho thấy, các phương pháp điều chỉnh được GV đánh giá ở mức tương đối hiệu quả với điểm trung bình chung đạt 2,91 điểm. Trong 4 phương pháp điều chỉnh, có 2 phương pháp được đánh giá ở mức hiệu quả là phương pháp điều chỉnh đa trình độ (điểm trung bình 3,35 điểm, xếp bậc 1) và phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án (điểm trung bình 3,33 điểm, xếp bậc 2). Tiếp đến là phương pháp điều chỉnh thay thế được đánh giá ở mức tương đối hiệu quả (với điểm trung bình 2,83 điểm). Phương pháp điều chỉnh đa trình độ được đánh giá ở mức ít hiệu quả (với điểm trung bình 2,14 điểm). Kết quả thu được qua quan sát tiết dạy của GV ở các trường tiểu học hoà nhập cho thấy, tùy theo khả năng nghe nói của HSKT mà GV đã đưa ra các điều chỉnh tương ứng, với các HSKT được hỗ trợ thiết bị trợ thính và còn khả năng nghe nói, GV đã áp dụng phương pháp điều chỉnh đa trình độ (theo hướng hạ thấp mục tiêu, nội dung dạy học phù hợp với khả năng ngôn ngữ, nhận thức của HSKT). Phương pháp này được thực hiện khá hiệu quả. Với những HSKT không được trang bị thiết bị trợ thính, GV phải áp dụng phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án hoặc điều chỉnh thay thế. Tuy nhiên, GV tỏ ra khá lúng túng trong quá trình điều chỉnh, HSKT chưa thực sự được tham gia trong tiết học.

2.2.4. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

* Thuận lợi trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính

Bảng 7. Những thuận lợi trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT

TT	Các thuận lợi	Mức độ thuận lợi					ĐTB	Thứ bậc
		Rất thuận lợi	Thuận lợi	Tương đối thuận lợi	Ít thuận lợi	Không thuận lợi		
1	Điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học (điều kiện âm thanh, ánh sáng, không gian, đồ dùng dạy và học, môi trường tâm lý lớp học)	5	27	35	59	22	2.55	5
2	Sự quan tâm, tạo điều kiện của Ban giám hiệu nhà trường	18	39	64	19	8	3.27	2

3	Sự quan tâm, phối hợp của cha mẹ học sinh khiếm thính	15	34	51	29	19	2.98	3
4	GV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về GD HS KTNN	21	42	63	22	0	3.42	1
5	GV có kiến thức, kỹ năng điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HS KTNN	3	35	43	54	13	2.74	4
6	Tài liệu hướng dẫn thiết kế và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HS khiếm thính	0	15	21	44	68	1.89	6

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT có một số thuận lợi như sau: Giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục HSKT với điểm trung bình 3,42 điểm xếp bậc 1. Ba yếu tố được cho là tương đối thuận lợi, bao gồm: Sự quan tâm, tạo điều kiện của Ban giám hiệu nhà trường (3.27 điểm, xếp bậc 2); Sự quan tâm phối hợp của cha mẹ HSKT (2,98 điểm, xếp bậc 3); Giáo viên có kiến thức, kỹ năng điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT (2,74 điểm, xếp bậc 4). Các yếu tố khác được cho là ít thuận lợi trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học Tiếng Việt cho HSKT, bao gồm: Điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học (điều kiện âm thanh, ánh sáng, không gian, đồ dùng dạy và học, môi trường tâm lý lớp học (2,55 điểm, xếp bậc 5) và Tài liệu hướng dẫn thiết kế và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT (1,89 điểm, xếp bậc 6). Phỏng vấn sâu giáo viên về vấn đề này, cô N.T.H (Hà Nội) chia sẻ: *Hiện nay, chúng tôi cũng nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Ban giám hiệu, các cha mẹ học sinh và bản thân chúng tôi cũng đã được tham gia một số khóa bồi dưỡng cơ bản về giáo dục HSKT. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của chúng tôi là thiếu các tài liệu hướng dẫn chi tiết việc tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT vì chương trình GDPT 2018 mới đưa vào thực hiện. Khi thực hiện, chúng tôi gặp khá nhiều khó khăn vì chưa biết cách điều chỉnh chương trình, phương pháp dạy học cho phù hợp với khả năng của HSKT”*.

* *Khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng nghe – nói cho trẻ khiếm thính*

Bảng 8. Những khó khăn trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT

TT	Các khó khăn	Mức độ khó khăn					ĐTB	Thứ bậc
		Rất khó khăn	Khó khăn	Tương đối khó khăn	Ít khó khăn	Không khó khăn		
1	Điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học (điều kiện âm thanh, ánh sáng, không gian, đồ dùng dạy và học, môi trường tâm lý lớp học)	19	41	54	25	9	3.24	6
2	Xác định khả năng học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính	24	57	61	6	0	3.67	3
3	Điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HS khiếm thính	29	60	51	8	0	3.74	2
4	Hạn chế về PP, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HS	21	56	59	7	5	3.55	5

	kiếm thính							
5	Thiếu tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HS khiếm thính	33	58	57	0	0	3.84	1
6	Thiếu sự phối hợp thống nhất giữa nhà trường, GV và cha mẹ HS khiếm thính	28	55	47	18	0	3.63	4

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT hiện nay còn gặp khá nhiều khó khăn. Trong đó, khó khăn lớn nhất của GV khi tổ chức dạy học Tiếng Việt cho HSKT là khó khăn do “thiếu tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT” (điểm trung bình 3,84 điểm, xếp bậc 1), tiếp đến là khó khăn khi thực hiện “điều chỉnh dạy học Tiếng Việt cho HSKT” (điểm trung bình 3,74 điểm, xếp bậc 2) và “xác định khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT” (điểm trung bình 3,67 điểm, xếp bậc 3). Chia sẻ về vấn đề này, các giáo viên cho biết các tài liệu hướng dẫn phát điều chỉnh và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT hiện nay hầu như chưa có. Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khuyết tật trong chương trình GDPT 2018 cũng rất sơ sài, không có nội dung dành riêng cho HSKT. Vì vậy, họ thường phải tự mày mò và học hỏi kinh nghiệm từ các đồng nghiệp. Họ cũng tự nhận thấy còn thiếu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong việc thực hiện các vấn đề điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT cũng như việc xác định khả năng học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính do chưa có công cụ chuẩn để sử dụng.

Tiếp đến là khó khăn do thiếu sự phối hợp thống nhất giữa nhà trường, GV và cha mẹ HSKT (điểm trung bình 3.63 điểm, xếp bậc 4). Chia sẻ về vấn đề này, các giáo viên cho rằng việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân HSKT hầu như chỉ do GV tự thực hiện, không có sự tham gia phối hợp của các lực lượng khác trong nhà trường và của cha mẹ.

Thêm vào đó, các giáo viên cũng tự nhận thấy khó khăn do “hạn chế về PP, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HSKT” của bản thân (với điểm trung bình 3,55 điểm, xếp bậc 5) và gặp khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học (điểm trung bình 3,24 điểm, xếp bậc 6). Phỏng vấn sâu giáo viên về vấn đề này, các giáo viên chia sẻ: Họ chưa được tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu về phương pháp, kỹ năng dạy Tiếng Việt cho HSKT, mà chỉ có điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng chung về đặc điểm của HSKT và phương pháp, kỹ năng dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình GDPT 2018. Về điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học, quan sát tại các trường tiểu học hiện nay cho thấy phòng học khá khàng trang song chưa đảm bảo môi trường nghe yên tĩnh cho HSKT, tiếng động nền trong lớp học khá lớn, số lượng học sinh trong lớp lại khá đông làm HSKT khó nghe âm thanh lời nói của GV. Các GV cũng cho rằng, trang thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp học hiện nay còn thiếu gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt cho HSKT.

2.2.5. Thực trạng nhu cầu cần hỗ trợ của giáo viên trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính

Bảng 9. Nhu cầu cần hỗ trợ của giáo viên trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT

TT	Các nhu cầu	Mức độ cần thiết					ĐTB	Thứ bậc
		Rất cần thiết	Cần thiết	Tương đối cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết		
1	Cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học	22	56	54	16	0	3.57	5
2	Hướng dẫn công cụ đánh giá khả năng học tập môn Tiếng	27	58	61	2	0	3.74	3

	Việt của học sinh khiếm thính							
3	Cung cấp tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính	31	60	57	0	0	3.82	2
4	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính	33	61	54	0	0	3.86	1
5	Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, GV, cha mẹ HS khiếm thính	27	59	52	10	0	3.69	4

Kết quả khảo sát cho thấy, để nâng cao kết quả dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, GV có nhu cầu được hỗ trợ về nhiều nội dung. Trong đó, nhu cầu lớn nhất của giáo viên là được “tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HSKT” (với điểm trung bình 3,86 điểm, xếp bậc 1). Tiếp đến là nhu cầu “cung cấp tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT” (điểm trung bình 3,82 điểm, xếp bậc 2); “Hướng dẫn công cụ đánh giá khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT” (điểm trung bình 3,74 điểm, xếp bậc 3).

Bên cạnh đó, các GV cũng mong muốn được “cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học” (điểm trung bình 3,69 điểm, xếp bậc 4) và “tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, GV, cha mẹ HSKT” (điểm trung bình 3,57 điểm, xếp bậc 5).

Nhìn chung, đây là những nhu cầu đều được GV đánh giá ở mức độ cần thiết. Kết quả này cũng tương đồng với thực trạng những khó khăn của GV hiện nay trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Do đó, cần xem xét để đáp ứng các nhu cầu này của GV nhằm nâng cao kết quả dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT theo chương trình GDPT 2018 hiện nay.

2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính

Bảng 10. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HS khiếm thính

TT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng					ĐTB	Thứ bậc
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Tương đối ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng		
1	Khả năng, nhu cầu học tập của HS khiếm thính	55	72	21	0	0	4.23	1
2	Năng lực của giáo viên	49	76	23	0	0	4.18	3
3	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung chương trình môn Tiếng Việt theo chương trình GDPT 2018	54	73	21	0	0	4.22	2
4	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường	45	71	28	4	0	4.06	4
5	Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận giao tiếp cho HS khiếm thính	29	55	57	7	0	3.72	5

Kết quả khảo sát ở Bảng 10 cho thấy, các giáo viên được khảo sát đều thống nhất rằng cả 5 yếu tố đưa ra trong nghiên cứu này đều có ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, điểm trung bình của các yếu tố dao động từ 3.72 điểm đến 4.23 điểm. Trong đó, yếu tố “khả năng, nhu cầu của HSKT” được đánh giá là có ảnh hưởng lớn nhất đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT (với điểm trung bình là 4.23 điểm, xếp bậc 1). Các giáo viên nhận định rằng, khả năng, nhu cầu của HSKT là căn cứ đầu tiên, quan trọng nhất để xác định các vấn đề điều chỉnh và lựa chọn phương pháp điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho các em.

Yếu tố tiếp theo được đánh giá là ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT là yếu tố về “mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung chương trình môn Tiếng Việt theo chương trình GDPT 2018” (điểm trung bình đều đạt 4.22 điểm, xếp bậc 2). Thêm vào đó, yếu tố về “năng lực của giáo viên” cũng được đánh giá là ảnh hưởng khá lớn đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT (điểm trung bình 4,18 điểm, xếp bậc 3). Vì vậy, giáo viên rất mong muốn được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, được cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu nhằm tăng cường năng lực của bản thân trong công tác giáo dục HSKT nói chung và dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT nói riêng.

Ngoài ra, các giáo viên cũng nhận định các yếu tố về “điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường” và “việc lựa chọn phương pháp tiếp cận giao tiếp cho HSKT” đều có ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Chính vì vậy, khi xác định các vấn đề cần điều chỉnh và lựa chọn phương pháp điều chỉnh cần quan tâm đến tất cả các yếu tố này để việc điều chỉnh được tiến hành phù hợp và mang lại kết quả cao.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng

Kết quả khảo sát cho thấy, các giáo viên tham gia khảo sát đã nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Họ cũng đã rất thường xuyên thực hiện các nội dung điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Tuy nhiên, hiệu quả của việc điều chỉnh chưa cao, có 2 nội dung điều chỉnh được đánh giá ở mức độ hiệu quả là: điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập và điều chỉnh nội dung chương trình. Hai nội dung còn lại (điều chỉnh yêu cầu cần đạt và điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) được đánh giá ở mức tương đối hiệu quả.

Giáo viên cũng đã áp dụng các phương pháp điều chỉnh ở mức tương đối thường xuyên. Trong 4 phương pháp điều chỉnh, phương pháp được áp dụng thường xuyên là phương pháp điều chỉnh đa trình độ. Hai phương pháp điều chỉnh được thực hiện ở mức tương đối thường xuyên là: phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án và phương pháp điều chỉnh thay thế. Riêng phương pháp điều chỉnh đồng loạt được thực hiện ở mức ít thường xuyên.

Đánh giá về hiệu quả của các phương pháp điều chỉnh, các GV đánh giá ở mức tương đối hiệu quả. Trong 4 phương pháp điều chỉnh, có 2 phương pháp được đánh giá ở mức hiệu quả là phương pháp điều chỉnh đa trình độ và phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án. Phương pháp điều chỉnh thay thế được đánh giá ở mức tương đối hiệu quả còn phương pháp điều chỉnh đa trình độ được đánh giá ở mức ít hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, GV có thuận lợi là đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục HSKT. Tuy nhiên, GV còn gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT hiện nay. Trong đó, khó khăn lớn nhất của GV là khó khăn do thiếu tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT, khó khăn khi thực hiện điều chỉnh dạy học Tiếng Việt cho HSKT, khó khăn trong xác định khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT.

Để nâng cao kết quả dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, GV có nhu cầu được hỗ trợ về nhiều nội dung. Trong đó, nhu cầu lớn nhất của GV là được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HSKT, tiếp đến là cung cấp tài liệu hướng dẫn điều chỉnh

và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT và hướng dẫn công cụ đánh giá khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT. Bên cạnh đó, các GV cũng mong muốn được cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, môi trường lớp học và tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, GV, cha mẹ HSKT.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Trong đó, yếu tố “khả năng, nhu cầu của HSKT” được đánh giá là có ảnh hưởng lớn nhất đến việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, tiếp đến là yếu tố về “mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung chương trình môn Tiếng Việt theo chương trình GDPT 2018” và “năng lực của GV. Ngoài ra, các GV cũng nhận định các yếu tố về “điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường” và “việc lựa chọn phương pháp tiếp cận giao tiếp cho HSKT” đều có ảnh hưởng đến việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Chính vì vậy, khi xác định các vấn đề cần điều chỉnh và lựa chọn phương pháp điều chỉnh cần quan tâm đến tất cả các yếu tố này để việc điều chỉnh được tiến hành phù hợp và mang lại kết quả cao.

3. Kết luận

Việc triển khai khảo sát thực trạng được thực hiện theo đúng quy trình khoa học của các phương pháp định lượng và định tính. Kết quả khảo sát cho thấy, các GV đã nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh trong dạy học Tiếng Việt cho HSKT. Họ cũng đã thường xuyên thực hiện các điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT. Tuy nhiên, hiệu quả của việc điều chỉnh chưa cao. Trong quá trình tổ chức dạy học môn Tiếng Việt cho HSKT, GV còn gặp khá nhiều khó khăn như: thiếu tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT, khó khăn khi thực hiện điều chỉnh dạy học Tiếng Việt cho HSKT, khó khăn trong xác định khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT. Do đó, GV cần được hỗ trợ về các vấn đề: được cung cấp tài liệu hướng dẫn điều chỉnh và tổ chức quá trình dạy học Tiếng Việt cho HSKT; được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho HSKT; hướng dẫn công cụ đánh giá khả năng học tập môn Tiếng Việt của HSKT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2] Ling D, (1976). *Speech and the Hearing-Impaired Child: Theory and Practice*. Washington, D.C.: A.G. Bell Association for the Deaf.
- [3] Marc M, Harry GL & John AA, (2002). *Educating deaf students: from research to practice*, Oxford University Press, New York, 277pp, ISBN 019512139 2
- [4] Kuder SJ, (2003). *Teaching students with language and communication disabilities*. Boston: Allyn and Bacon.
- [5] Marc M, Harry GL & John AA, (2002). *Educating deaf students: from research to practice*, Oxford University Press, New York, 277pp, ISBN 019512139 2
- [6] Yoshinaga-Itano C, Sedey AL, Coulter DK & Mehl AL, (1998). Language of early-and later-identified children with hearing loss. *Pediatrics*, 102(5), 1161-1171.
- [7] NM Phượng & NH My (2022). Điều chỉnh kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khuyết tật nghe nói cấp tiểu học theo chương trình GDPT 2018. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 67(5A), 144 – 154.